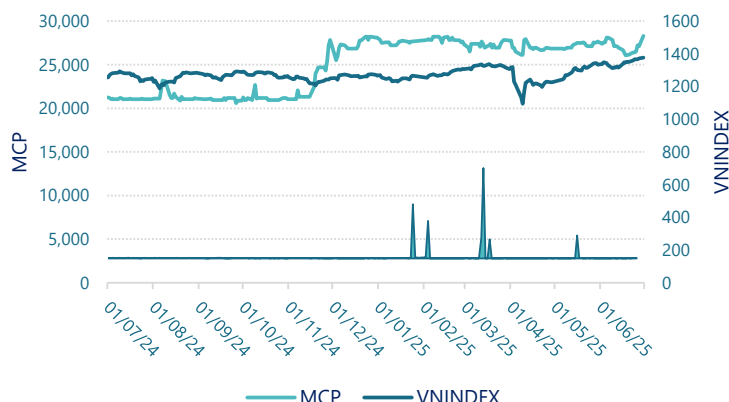


CTCP In và Bao bì Mỹ Châu (HSX: MCP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	31,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,289
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,581
SL cổ phiếu LH	18,062,331
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,130
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	569
P/E	30.7
EPS	1,025

DT thuần

Q2/25

100

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.6 | 12.3%

YoY: ▼ 25.0 | -19.7%

LN sau thuế

Q2/25

1.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.23 | 29.1%

YoY: ▼ 5.36 | -84.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.7%

+/- YoY: ▼ 4.8%

DT thuần

6T 2025

190

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 53.0 | -22.0%

LN sau thuế

6T 2025

1.81

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 11.2 | -86.1%

ROE

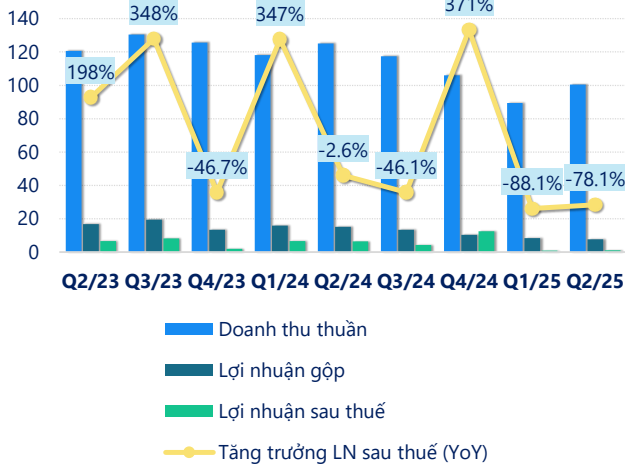
Q2/25

6.9%

+/- YoY: ▼ 2.4%

tỷ VNĐ

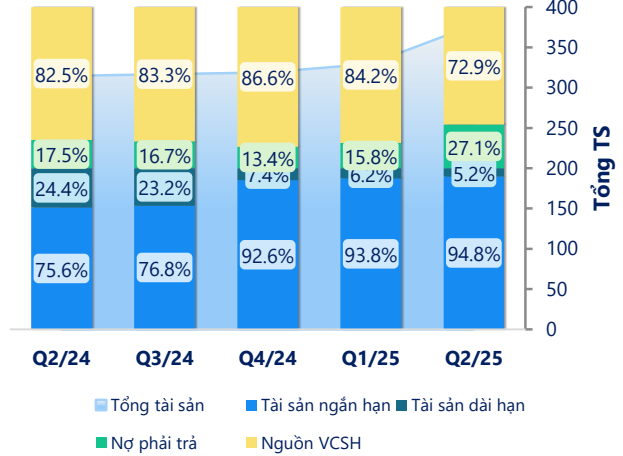
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

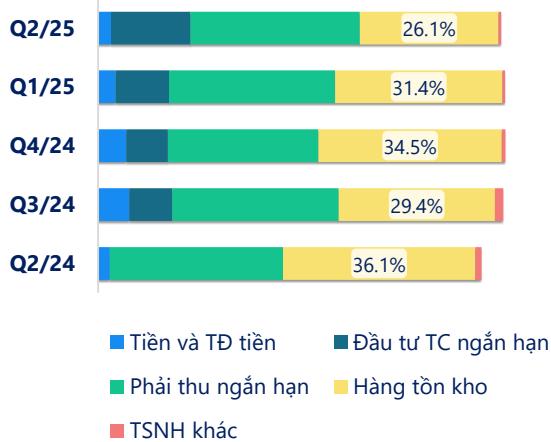
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



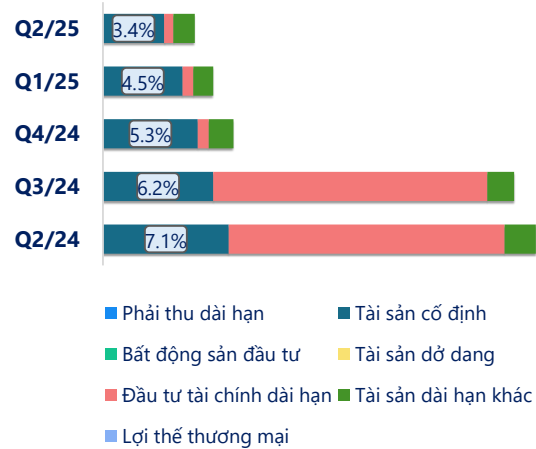
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

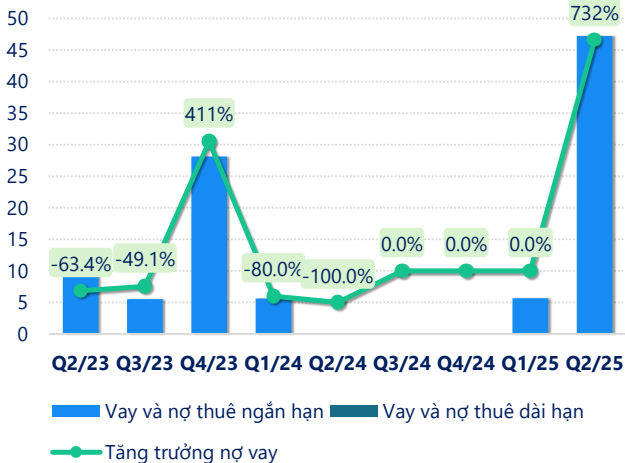
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

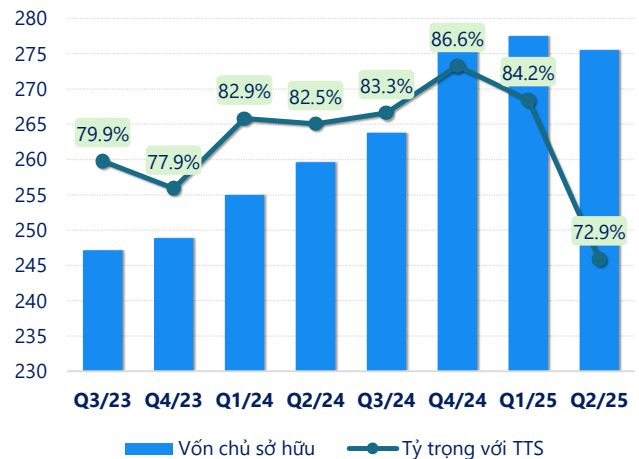
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

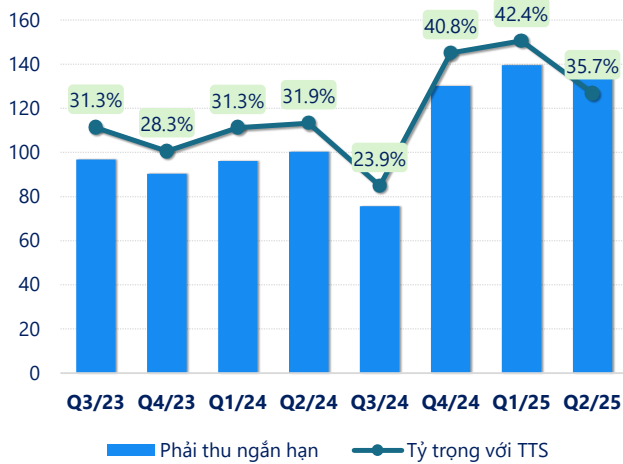
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



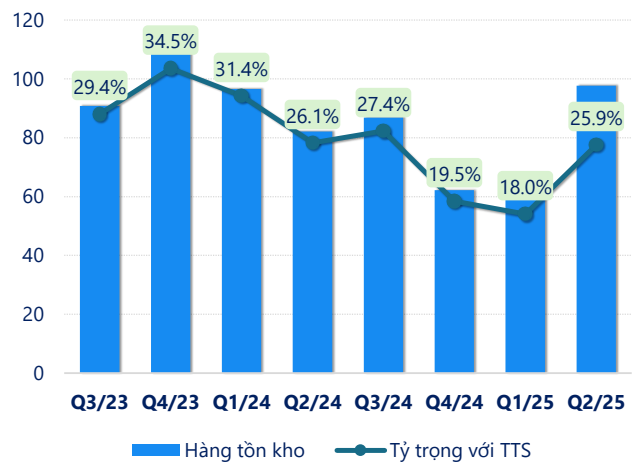
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


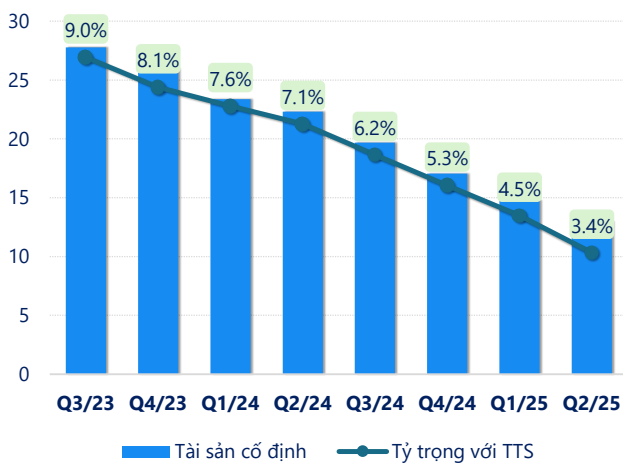
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


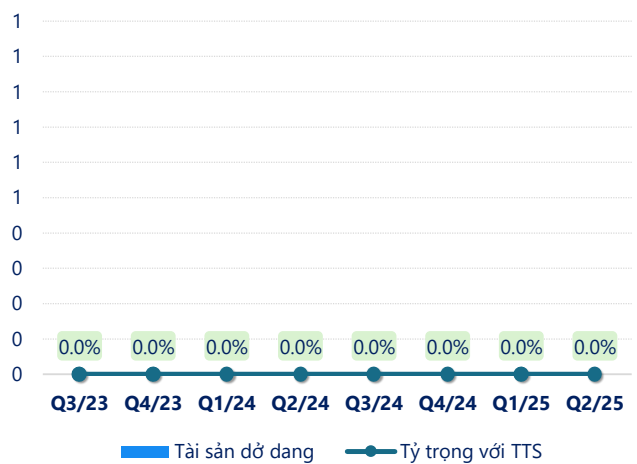
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

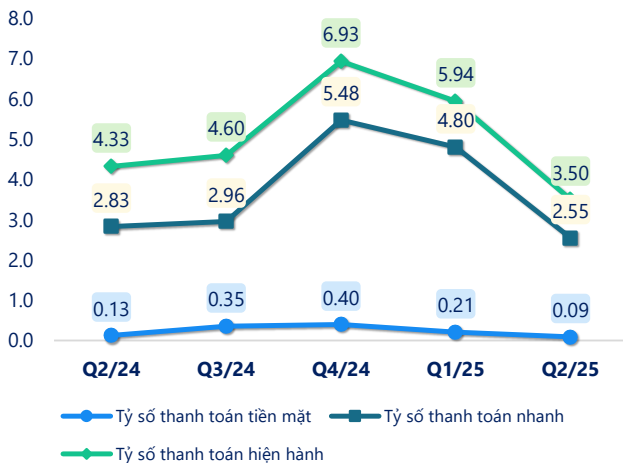
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

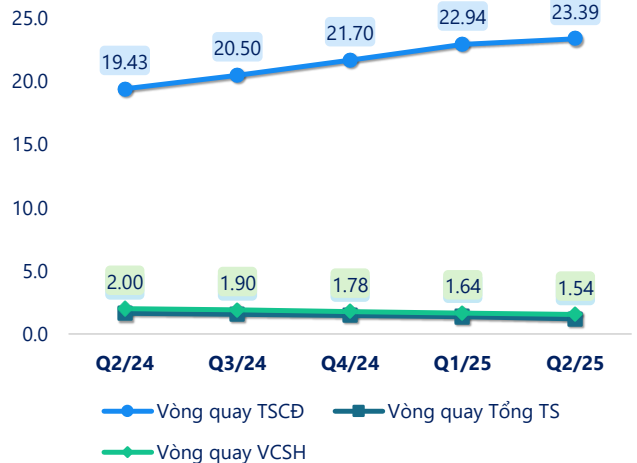
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	315	317	319	329	378
Tài sản ngắn hạn	238	243	295	309	358
Tiền và tương đương tiền	6.93	18.6	16.9	10.7	9.20
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.0	61.0	85.0	98.3	105
Phải thu ngắn hạn	100	75.6	130	140	135
Hàng tồn kho	82.1	86.9	62.2	59.4	97.7
Tài sản ngắn hạn khác	1.53	1.17	1.21	1.02	11.2
Tài sản dài hạn	76.8	73.4	23.5	20.5	19.6
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	22.3	19.7	17.0	14.8	13.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	49.0	1.97	1.97	1.97
Tài sản dài hạn khác	5.51	4.78	4.45	3.71	4.58
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	55.0	52.9	42.6	52.0	102
Nợ ngắn hạn	55.0	52.9	42.6	52.0	102
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	5.67	47.2
Phải trả người bán ngắn hạn	28.5	20.2	15.9	23.2	22.0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	260	264	276	278	276
Vốn chủ sở hữu	260	264	276	278	276
Vốn điều lệ	151	151	151	181	181
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)